

Bản án số: 447/2025/DS-PT
Ngày: 21/7/2025
V/v tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Hứa Quang Thông

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS - ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp) bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2025/QĐXXPT-DS ngày 13/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐPT-DS ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Trịnh Thị Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số D, tổ A, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay phường C, tỉnh Đồng Tháp).

2. Trịnh Hoàng T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số A, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trịnh Hoài Đ1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số F, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay xã B, tỉnh Đồng Tháp).

4. Trịnh Kim Q, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay xã M, tỉnh Đồng Tháp).

5. Trịnh Mai Á, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số F, khu phố D, TT. N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay số A đường H, ấp B, xã N, thành phố Hồ Chí Minh).

6. Trịnh Phi L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ A, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay xã B, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Lê Ngọc T1 - sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ F, khóm D, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay phường C, tỉnh Đồng Tháp) theo văn bản công chứng ngày 02/4/2024.

- Bị đơn: Trịnh Phi C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số A, Tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay xã M, tỉnh Đồng Tháp) theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/10/2024.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1983;

2. Trịnh Hoàng P, sinh năm 2006;

3. Trịnh Hoàng Gia B, sinh năm 2013;

Cùng địa chỉ: Số A, Tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, Đồng Tháp (nay xã M, tỉnh Đồng Tháp).

4. Kháng cáo

4.1. Các nguyên đơn gồm: Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L.

4.2. Bị đơn Trịnh Phi C.

Ông Lê Ngọc T1, ông Nguyễn Thế H có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn ủy quyền cho ông Lê Ngọc T1 trình bày như sau:

Cha mẹ là cụ Trịnh Văn H1, chết năm 2004 và cụ Nguyễn Thị H2, chết năm năm 2018, cả hai đều không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H1 và cụ H2 là 07 con chung gồm các nguyên đơn Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L và bị đơn Trịnh Phi C, ngoài ra ông bà không có con riêng, con nuôi hay người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nào khác.

Năm 1990, cụ H1 và cụ H2 mua được các phần đất gồm:

- Thửa 95, diện tích 337m², đo đạc thực tế 368,4m².
- Thửa 96, diện tích 45,6m², đo đạc thực tế 46,3m².
- Thửa 104, diện tích 1.994,5m², đo đạc thực tế 2.020m².
- Thửa 126, diện tích 10.485,6m², đo đạc thực tế 10.426,5m².

Các thửa đất cùng thuộc tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trước đây cụ H1 đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992. Năm 2004, cụ H1 chết không để lại di chúc, lúc này cụ H2 làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất từ cụ H1 và cụ H2 đã được đứng tên toàn bộ 04 thửa đất nói trên, cụ H2 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất, trong hộ có cụ H2, ông L và anh C.

Năm 2015, cụ H2 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần thứ hai. Năm 2016, cụ H2 đại diện cho hộ gia đình thực hiện thủ tục tặng cho ông Trịnh Phi C các thửa đất nêu trên nhưng không đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật quy định về hộ gia đình. Năm 2018, cụ H2 chết cũng không có di chúc.

Như vậy, nguyên đơn xác định việc cụ H2 nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ cụ H1 là sai do thời điểm đó các nguyên đơn không biết việc cụ H2 lập thủ tục nhận thừa kế tài sản của ông H1; đồng thời các nguyên đơn cũng không biết việc cụ H2 đại diện hộ gia đình tặng cho toàn bộ các thửa đất tranh chấp lại cho ông C.

Về quá trình sử dụng đất: Trước đây cụ H1 và cụ H2 cùng mua lại của người khác vào năm 1990, vợ chồng cụ H1 sử dụng đất để trồng lúa, sau khi cụ H1 chết thì cụ H2 cùng các con là ông L và ông C tiếp tục sử dụng đất. Ông L có vợ năm 2006 và về bên vợ ở xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến

nay, tuy nhiên ông L vẫn có tới lui để sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện nay ông C là người đang trực tiếp sử dụng đất, ông C sử dụng đất để trồng lúa.

Về tài sản có trên đất: Tại thửa số 95, cụ H2 có trồng hàng xoài cặp kênh đường thét nhưng không xác định có bao nhiêu cây, nguyên đơn thống nhất không yêu cầu gì đối với cây trồng, đất chia cho ai thì người đó được quyền sử dụng. Ngoài ra còn có nhà mồ thuộc một phần thửa số 104 và thửa số 126, trong nhà mồ có ngôi mộ của cụ H1 và ngôi mộ của cụ H2, nguyên đơn yêu cầu được nhận phần đất bao gồm nhà mồ để nhằm mục đích giữ gìn đất của cha mẹ và bảo quản khu mộ của cha mẹ.

Đối với sơ đồ đo đạc ngày 04/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng lý đất đai huyện C thì các nguyên đơn thống nhất, không cầu đo đạc lại.

Đối với giá trị đất và các tài sản có trên đất thì nguyên đơn thống nhất giá trị đất là 150.000.000 đồng/công (1.000m²) và cây trồng trên đất thì có X do anh C trồng nên các nguyên đơn thống nhất giá trị mỗi cây là 2.400.000 đồng.

Do đó, nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ hồ sơ thừa kế của cụ Nguyễn Thị H2 được thừa kế quyền sử dụng đất từ hộ cụ H1 lập năm 2004. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị H2 đối với các thửa 95, 96, 104, 126 vào năm 2004 và năm 2015.

- Huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị H2 với Trịnh Phi C đối với các thửa 95, 96, 104, 126 lập năm 2016. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Trịnh Phi C đối với các thửa 95, 96, 104, 126 cấp năm 2016.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Trịnh Văn H1 và cụ Nguyễn Thị H2 là quyền sử dụng đất diện tích 12.861,2m² thuộc các thửa 95, 96, 104, 126, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, chia làm 7 phần bằng nhau, mỗi người được nhận một phần di sản thừa kế tương đương 1.837,3m², nhận bằng hiện vật.

Bị đơn ông Trịnh Phi C trình bày:

Ông C thống nhất phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ. Ông C thống nhất nội dung nguyên đơn trình bày về việc cha mẹ ông có 07 người con và việc cụ Hoàng cụ H3 chết đều không để lại di chúc.

Đối với các thửa đất tranh chấp thì anh thống nhất là của cha mẹ mua năm

1990, năm 1991 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2004, cụ H1 chết thì cụ H3 làm thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ ông H1, ông L là người chở cụ H3 đi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó anh đang đi học nên cũng không quan tâm, anh cũng có ký tên đồng ý cho cụ H3 được nhận thừa kế tài sản của ông H1.

Đến năm 2016, cụ H3 làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng sang cho anh đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ H3, anh Đ1 là người chở cụ H3 đi làm các thủ tục tặng cho và anh cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/6/2016. Năm 2014 ông L đã tách hộ khẩu nên trong hộ cụ H3 lúc này chỉ còn có cụ H3, anh, Nguyễn Thị Hồng T2, Trịnh Hoàng P và Trịnh Hoàng Gia B, nên lúc cụ H3 tặng cho quyền sử dụng đất cho anh thì các anh chị em không có ai ký tên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cá nhân anh chứ không phải cấp cho hộ, đây là tài sản riêng mà mẹ tặng cho anh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do anh C giữ bản chính, không cầm cố, thế chấp hay thực hiện bất kỳ giao dịch dân sự nào khác.

Đối với sơ đồ đo đạc ngày 04/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C thì anh thống nhất, không cần đo đạc lại.

Đối với giá trị đất và các tài sản có trên đất thì nguyên đơn thống nhất giá 150.000.000 đồng/công và cây xoài là 2.400.000 đồng/cây theo ý kiến của nguyên đơn.

Về quá trình sử dụng đất: Trước đây cụ H1 và cụ H3 cùng mua lại của người khác vào năm 1990, vợ chồng cụ H1 sử dụng đất để trồng lúa, sau khi cụ H1 chết thì anh và cụ H3 tiếp tục sử dụng đất. Khoảng năm 2005-2006 thì ông L có vợ ở xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống bên vợ cho đến nay nên ông L không có sử dụng đất. Từ trước đến nay, anh là người trực tiếp sử dụng đất với cụ H3, sau khi cụ H3 chết thì anh sử dụng cho đến nay.

Về các tài sản trên đất, có 62 cây xoài tượng đài loan, trồng năm 2016 trên thửa số 95 (đất cây lâu năm), trường hợp chia thừa kế quyền đất thừa này cho ai thì người đó phải trả lại giá trị cây trồng cho anh.

Nay ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn do đất này anh được cụ H3 tặng cho là hợp pháp.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ, ông

Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á, ông Trịnh Phi L về việc: Hủy hồ sơ thừa kế của cụ Nguyễn Thị H2 được thừa kế quyền sử dụng đất từ hộ cụ Trịnh Văn H1 lập năm 2004. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị H2 đối với các thửa 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2004 và năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á, ông Trịnh Phi L về việc: Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị H2 với Trịnh Phi C đối với diện tích đất 6.430,6m² trong phạm vi các thửa số 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được xác lập năm 2016. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Trịnh Phi C vào năm 2016 đối với các thửa 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á đối với di sản của cụ Trịnh Văn H1 là quyền sử dụng đất diện tích 6.430,6m² trong phạm vi các thửa số 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Chia thừa kế diện tích 6.430,6m² thành 08 kỷ phần chia đều cho Nguyễn Thị H2, Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L và Trịnh Phi C, mỗi kỷ phần có diện tích 803,825m², đối với kỷ phần của ông L và anh C đã thống nhất giao lại cho cụ H2 nên cụ H2 được nhận 03 kỷ phần, trước khi chết thì cụ H2 cũng đã tặng cho toàn bộ cho ông Trịnh Phi C nên anh C được nhận 03 kỷ phần của cụ H2. Đối với 05 kỷ phần còn lại chia cho Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q và Trịnh Mai Á được đồng sở hữu. Diện tích các đương sự được chia như sau:

+ Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á được chia thừa kế với tổng diện tích đất là 3.998,9m² loại đất trồng lúa, cụ thể:

Diện tích 18,3m² thuộc một phần thửa số 96 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc 5 - Mốc 6 - Mốc B - Mốc A theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

Diện tích 666m² thuộc một phần thửa số 104 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong

phạm vi các mốc: Mốc 6 - Mốc 7 - Mốc C - Mốc B theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

Diện tích 3.314,6m² thuộc một phần thửa số 126 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc 7 - Mốc 8 - Mốc D - Mốc C theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

+ Ông Trịnh Phi C được chia thừa kế với diện tích 2.431,7m² loại đất trồng lúa, cộng diện tích 6.430,6m² mà cụ H2 đã tặng cho anh C thì anh C được sử dụng diện tích cụ thể như sau:

Diện tích 368,4m² thuộc thửa số 95 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc 1 - Mốc 2 - Mốc 3 - Mốc 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

Diện tích 46,3m² thuộc một phần thửa số 96 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc A - Mốc B - M - Mốc 12 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

Diện tích 2.020m² thuộc một phần thửa số 104 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc B - Mốc C - Mốc 10 - Mốc 11 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

Diện tích 10.426,5m² thuộc một phần thửa số 126 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc C - Mốc D - M - Mốc 10 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á đối với di sản của cụ Nguyễn Thị H2 là quyền sử dụng đất diện tích 6.430,6m² trong phạm vi các thửa số 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Phi L về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Trịnh Văn H1 và cụ Nguyễn Thị H2 đối với diện tích 12.861,2m²

thuộc các thửa 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q và bà Trịnh Mai Á về việc trả giá trị cây trồng trên đất cho Trịnh Phi C với tổng số tiền là 14.400.000 (mười bốn triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q và bà Trịnh Mai Á được quyền sử dụng cây trồng trên đất trong phạm vi mình được chia.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trịnh Thị Đ phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004549 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Trịnh Thị Đ còn phải nộp tiếp số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Ông Trịnh Hoàng T phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004546 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, ông Trịnh Hoàng T còn phải nộp tiếp số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Ông Trịnh Hoài Đ1 phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004544 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, ông Trịnh Hoài Đ1 còn phải nộp tiếp số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Bà Trịnh Kim Q phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004547 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Trịnh Kim Q còn phải nộp tiếp số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Bà Trịnh Mai Á phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004548 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Trịnh Mai Á còn được nhận lại số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Ông Trịnh Phi C phải chịu số tiền án phí là 18.238.000 (mười tám triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

- Ông Trịnh Phi L phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004545 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, ông Trịnh Phi L còn được nhận lại số tiền 2.825.000 đồng (hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Ngoài ra, Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q và Trịnh Mai Á còn phải liên đới chịu án phí đối với nghĩa vụ trả giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 720.000 (bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á và ông Trịnh Phi L tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 09/10/2024 bà Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á kháng cáo chấp nhận yêu cầu theo đơn khởi kiện của Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á được chia di sản thừa kế của mẹ Nguyễn Thị H2.

Ngày 09/10/2024, ông Trịnh Phi L kháng cáo yêu cầu theo Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L được chia di sản thừa kế của cụ H1 và cụ H2.

Ngày 14/10/2025 ông Trịnh Phi C yêu cầu xem xét theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu đơn khởi kiện của các nguyên đơn Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L đồng thời tuyên hủy bản án sơ thẩm số: 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 và

định chỉ giải quyết vụ án này theo Điều 311 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Ông Lê Ngọc T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, T, Đ1, Q, Á, L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Ông Nguyễn Thế H là người đại diện theo ủy quyền của ông C không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Đ, T, Đ1, Q, Á, L.

Ông Nguyễn Thế H là người đại diện theo ủy quyền của ông C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Lê Ngọc T1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, T, Đ1, Q, Á, L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa

Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Đối với đương sự: đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, T, Đ1, Q, Á, L, C. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị H2 và ông Trịnh Phi C là không phù hợp pháp luật, trường hợp này chỉ tuyên thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đúng vì ông H1 là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đúng pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm giao diện tích đất cho ông C cũng không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L, ông Trịnh Phi C kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố dân sự năm 2015.

[2]. Xét bà Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á yêu cầu được chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H2.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự thống nhất các thửa đất tranh chấp 95, 96, 104, 126 có tổng diện tích đo đạc thực tế là 12.861,2m², cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc là của cụ H1 và cụ H2 nhận chuyển nhượng năm 1990. Cụ Trịnh Văn H1, chết năm 2004 và cụ Nguyễn Thị H2, chết năm 2018 đều không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cụ H1 và cụ H2 bao gồm 07 con chung là Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L và Trịnh Phi C, ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cụ H1 chết không để lại di chúc nên ½ diện tích đất tranh chấp là di sản của cụ H1 tương đương là 6.430,6m² nên chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H1 gồm cụ H2 và bảy người con mỗi kỳ phần là 803,825m². Do đó, các nguyên đơn Đạm, T, Đ1, Q, Á yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ phù hợp pháp luật.

Tuy nhiên, hồ sơ nhận di sản thừa kế của cụ H2 từ cụ H1 thì có ông L và ông C ký tên đồng ý để lại cho cụ H2, hồ sơ cũng không thể hiện những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á từ chối nhận di sản hay ký tên đồng ý giao lại cho cụ H2. Do đó, việc cụ H2 đứng ra nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp 12.861,2m² là không phù hợp với quy định pháp luật. Bà H2 chỉ được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: ½ quyền sử dụng đất của bà và 02 kỳ phần của ông L, ông C mới phù hợp pháp luật. Do đó, cụ H2 được toàn quyền định đoạt diện tích 6.430,6m² phần của bà và thực hiện các quyền của người sử dụng

đất theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai 2013. Các nguyên đơn Đạm, T, Đ1, Q, Á yêu cầu chia di sản của cụ H2 là không có căn cứ, bởi cụ H2 khi còn sống đã thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông C ngày 26/5/2016 là thể hiện ý chí của cụ H2. Do đó, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn Đạm, T, Đ1, Q, Á là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Đối với ông Trịnh Phi L kháng cáo yêu cầu được chia di sản của cụ H1 và cụ H2.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông L yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H1 và cụ H4 là không có căn cứ. Bởi căn cứ vào hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất của cụ H2 có chữ ký của ông Trịnh Phi L và ông Trịnh Phi C đều này thể hiện ý chí của ông L và ông C đồng ý cho cụ H2 nhận di sản thừa kế của cụ H1. Đồng thời phần di sản của cụ H2 cũng đã tặng cho ông C khi còn sống. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông L là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Đối với ông Trịnh Phi C kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Hội đồng xét xử xét thấy ông C cho rằng cụ H1 chết năm 2004 đến nay đã trên 20 năm nên thời hiệu xác nhận quyền thừa kế để chia thừa kế của các nguyên đơn đã hết. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự quy định về thời hiệu chia thừa kế *“Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế.....”*. Căn cứ vào quy định nêu trên, cụ H1 chết năm 2004 đến nay là 21 năm, do đó vẫn còn thời hiệu để các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế vì trong vụ án này các nguyên đơn tranh chấp là bất động sản. Do đó ông C kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu đơn khởi kiện của các nguyên đơn Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L, đồng thời yêu cầu tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 và đình chỉ giải quyết vụ án này theo Điều 311 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 là không có căn cứ. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông C yêu cầu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Hội đồng xét xử đã nhận định tại mục [2] phần nhận định của bản án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Phi C.

[5]. Tại phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 tuyên về diện tích đất phân chia cho ông Trịnh Phi C

mà không khấu trừ diện tích đất phân chia cho Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á nên Hội đồng xét xử sửa lại phần này.

[6]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử có căn cứ một phần nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm nên sửa án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7]. Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

[8]. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L, ông Trịnh Phi C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[9]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L và bị đơn ông Trịnh Phi C.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS - ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai

Ấ, ông Trịnh Phi L về việc: Hủy hồ sơ thừa kế của cụ Nguyễn Thị H2 được thừa kế quyền sử dụng đất từ hộ cụ Trịnh Văn H1 lập năm 2004. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị H2 đối với các thửa 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2004 và năm 2015.

3.1. Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Ấ được chia thừa kế với tổng diện tích đất là 3.998,9m² loại đất trồng lúa, cụ thể:

- Diện tích 18,3m² thuộc một phần thửa số 96 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc 5 - Mốc 6 - Mốc B - Mốc A theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

- Diện tích 666m² thuộc một phần thửa số 104 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc 6 - Mốc 7 - Mốc C - Mốc B theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

- Diện tích 3.314,6m² thuộc một phần thửa số 126 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc 7 - Mốc 8 - Mốc D - Mốc C theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Ấ đồng ý đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.2. Ông Trịnh Phi C được chia thừa kế với diện tích 2.450m² loại đất trồng lúa, cộng diện tích 6.430,6m² mà cụ H2 đã tặng cho anh C thì anh C được sử dụng diện tích cụ thể như sau:

- Diện tích 368,4m² thuộc thửa số 95 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc 1 - Mốc 2 - Mốc 3 - Mốc 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

- Diện tích 46,3m² thuộc một phần thửa số 96 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc A - Mốc B - M - Mốc 12 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

- Diện tích 1.354m² thuộc một phần thửa số 104 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc B - Mốc C - Mốc 10 - Mốc 11 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

- Diện tích 7.111,9m² thuộc một phần thửa số 126 loại đất LUC tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, tỉnh Đồng Tháp, diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: Mốc C - Mốc D - M - Mốc 10 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Sơ đồ đo đạc ngày 30/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 346790, CD 346791, CD 346792, CD 346793 do ông Trịnh Phi C đứng tên QSDĐ thuộc các thửa 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp D, xã M, huyện C (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q, Trịnh Mai Á, Trịnh Phi C theo bản án đã tuyên.

Các đương sự được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á đối với di sản của cụ Nguyễn Thị H2 là quyền sử dụng đất diện tích 6.430,6m² trong phạm vi các thửa số 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Phi L về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Trịnh Văn H1 và cụ Nguyễn Thị H2 đối với diện tích 12.861,2m² thuộc các thửa 95, 96, 104, 126 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q và bà Trịnh Mai Á về việc trả giá trị cây trồng trên đất cho Trịnh Phi C với tổng số tiền là 14.400.000 (mười bốn triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q và bà Trịnh Mai Á được quản lý, sử dụng cây trồng trên đất trong phạm vi mình được chia.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trịnh Thị Đ phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004549 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Trịnh Thị Đ còn phải nộp tiếp số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Ông Trịnh Hoàng T phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004546 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, ông Trịnh Hoàng T còn phải nộp tiếp số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Ông Trịnh Hoài Đ1 phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004544 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, ông Trịnh Hoài Đ1 còn phải nộp tiếp số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Bà Trịnh Kim Q phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004547 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Trịnh Kim Q còn phải nộp tiếp số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Bà Trịnh Mai Á phải chịu số tiền án phí là 5.998.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004548 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Trịnh Mai Á còn được nhận lại số tiền 2.873.500 (hai triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

- Ông Trịnh Phi C phải chịu số tiền án phí là 18.277.000 (mười tám triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

- Ông Trịnh Phi L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng, lệ phí Tòa án số 0004545 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Trịnh Thị Đ, Trịnh Hoàng T, Trịnh Hoài Đ1, Trịnh Kim Q và Trịnh Mai Á còn phải liên đới chịu án phí đối với nghĩa vụ trả giá trị cây trồng trên đất với số tiền là 720.000 (bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á và ông Trịnh Phi L tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), đã nộp và chi xong.

7. Án phí dân sự phúc thẩm

Bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Hoàng T, ông Trịnh Hoài Đ1, bà Trịnh Kim Q, bà Trịnh Mai Á, Trịnh Phi L, Trịnh Phi C mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0099297; 0009295; 0009296; 0009299; 0009298 cùng ngày 28/10/2024; Biên lai thu số 0009289 ngày 25/10/2024 và biên lai thu tạm ứng án phí số 0009397 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 9).

8. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

9. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 266/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (nay là TAND Khu vực 9 – Đồng Tháp) không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng TT KT và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND khu vực 9;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước